

# THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN TRÌNH ĐỘ THỂ LỰC CHUNG CỦA NỮ SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Nguyễn Ngọc Nga<sup>(1)</sup>; Cung Đức Liêm<sup>(1)</sup>  
Nguyễn Trương Phương Uyên<sup>(2)</sup>

## Tóm tắt:

Bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản cùng với tiêu chuẩn của 05 test đánh giá, xếp loại thể lực HSSV của Bộ GD&ĐT quy định, nhóm tác giả đã đánh giá được thực trạng thể lực của nữ sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Tài chính – Marketing, đồng thời đã xác định được 10 nguyên nhân chính hạn chế sự phát triển trình độ thể lực của SV trong thực tiễn đào tạo tại Trường làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp khắc phục.

**Từ Khóa:** thể lực chung, nguyên nhân hạn chế, nữ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Tài chính - Marketing.

## Current situation and causes affecting the general physical fitness level of female students majoring in Business Administration at the University of Finance - Marketing

### Summary:

By using basic research methods along with the standards of 05 tests to assess and classify physical fitness of students as prescribed by the Ministry of Education and Training, the topic has assessed the physical fitness status of female students majoring in Business Administration at the University of Finance - Marketing, and at the same time identified 10 main causes limiting the development of physical fitness of students in practical training at the school as a basis for proposing solutions to overcome them.

**Keywords:** general physical strength, limited causes, female students majoring in Business Administration, University of Finance - Marketing.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tiễn công tác giảng dạy tại Trường Đại học Tài chính - Marketing cho thấy, trong các giờ học GDTC vẫn còn nhiều sinh viên (SV) thể hiện tố chất thể lực còn yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu đào tạo, đặc biệt là nữ SV Ngành Quản trị kinh doanh (QTKD). Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV và kết quả môn học GDTC. Vì vậy việc đánh giá chính xác trình độ thể lực, đồng thời xác định rõ những nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ thể lực của nữ SV ngành QTKD làm cơ sở đề xuất các biện pháp khắc phục là vấn đề có tính cấp thiết, có giá trị và ý nghĩa thực tiễn cao.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, kiểm tra sự phạm và toán học thống kê.

Đối tượng và cách thức phỏng vấn: 20 người, gồm 08 giảng viên Bộ môn GDTC và 12 cán bộ quản lý của Trường Đại học Tài chính - Marketing. Nhóm tác giả đã đưa ra 11 câu hỏi và yêu cầu chọn trả lời một trong 3 mức: mức 1: Hoàn toàn đồng ý; mức 2: Đồng ý; mức 3: Không đồng ý.

Đánh giá thể lực: sử dụng 05 test và tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực HSSV của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT, gồm: Nằm ngửa gập bụng (lần), Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 30m xuất phát cao (giây), Chạy con thoi 4 x 10m (giây), Chạy tùy sức 5 phút (m).

Đối tượng khảo sát thể lực: 300 nữ SV Ngành QTKD các năm học 1,2 và 3 (100 SV/khoá) được chọn ngẫu nhiên.

Thời điểm kiểm tra: học kỳ 1, năm học 2022 – 2023.

<sup>(1)</sup>ThS, <sup>(2)</sup>TS, Trường Đại học Tài chính - Marketing

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 1. Thực trạng trình độ thể lực của nữ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Tài chính - Marketing

Để đánh giá thực trạng trình độ thể lực của nữ SV ngành QTKD, chúng tôi tiến hành kiểm tra

thể lực của 300 nữ SV năm 1, 2 và năm thứ 3, đồng thời đánh giá phân loại theo bộ tiêu chuẩn đánh giá thể lực HSSV của Bộ GD&ĐT theo QĐ số 53/2008/QĐ-BGDĐT với 05 test được lựa chọn. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

**Bảng 1. Kết quả đánh giá thực trạng thể lực của nữ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Tài chính - Marketing**

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả kiểm tra			Xếp loại thể lực					
		$\bar{x}$	$\delta$	Cv (%)	Tốt		Đạt		Không đạt	
					m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%
<b>Nữ sinh viên năm 1 (n = 100)</b>										
1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	16.5	3.6	22.42	15	15.00	56	56.00	29	29.00
2	Bật xa tại chỗ (cm)	152.7	8.53	5.59	16	16.00	57	57.00	27	27.00
3	Chạy 30m XPC (s)	6.79	0.52	7.51	17	17.00	56	56.00	27	27.00
4	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	13.92	0.33	2.44	14	14.00	55	55.00	31	31.00
5	Chạy tuý sức 5 phút (m)	658.2	0.45	0.07	9	9.00	55	55.00	36	36.00
<b>Nữ sinh viên năm 2 (n = 100)</b>										
1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	16.4	3.1	19.51	14	14.00	57	57.00	29	29.00
2	Bật xa tại chỗ (cm)	152.5	9.51	6.24	16	16.00	56	56.00	28	28.00
3	Chạy 30m XPC (s)	6.77	0.38	5.76	19	19.00	59	59.00	22	22.00
4	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	13.56	0.83	6.19	15	15.00	59	59.00	26	26.00
5	Chạy tuý sức 5 phút (m)	695	9.5	1.37	10	10.00	55	55.00	35	35.00
<b>Nữ sinh viên năm 3 (n = 100)</b>										
1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	17.04	3.2	18.19	15	15.00	59	59.00	26	26.00
2	Bật xa tại chỗ (cm)	154.8	8.91	5.76	17	17.00	59	59.00	24	24.00
3	Chạy 30m XPC (s)	6.69	0.45	6.58	18	18.00	56	56.00	26	26.00
4	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	13.89	0.8	5.83	15	15.00	57	57.00	28	28.00
5	Chạy tuý sức 5 phút (m)	671	12.1	1.8	10	10.00	53	53.00	37	37.00

Phân tích kết quả tại bảng 1 cho thấy: Thể lực của nữ SV ngành QTKD chưa được tốt, trong đó tố chất sức bền là kém nhất; Tỷ lệ chưa đạt còn chiếm khá cao ở tất cả các test kiểm tra; Sự khác biệt kết quả phân loại giữa các khoá là không lớn. Cụ thể:

- Sinh viên năm 1: Mức “Tốt” chỉ chiếm từ 9.0% đến 15.0%; Tỷ lệ “Đạt” là 55.0% đến 57.0%; Trong khi tỷ lệ “Không đạt” còn cao, từ 27% đến 36%.

- Sinh viên năm 2: Mức “Tốt” chỉ chiếm từ 10.0% đến 19%; Tỷ lệ “Đạt” là 55% đến 59%; Trong khi tỷ lệ “Không đạt” còn cao từ 22% đến 35.0%.

- Sinh viên năm 3: Mức “Tốt” chỉ chiếm từ 10% đến 18%; Tỷ lệ “Đạt” là 53.5% đến

59.0%; Trong khi tỷ lệ “Không đạt” chiếm cao từ 24% đến 37.0%.

Sức bền được coi là tố chất thể lực quan trọng nhất, phản ánh trình độ thể lực chung của SV và chịu ảnh hưởng nhiều của yếu tố môi trường tập luyện TDTT bao gồm cả hoạt động TDTT nội khoá và ngoại khoá. Vì vậy đây là vấn đề rất cần được quan tâm trong nghiên cứu.

### 2. Xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến phát triển thể lực của nữ sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Tài chính - Marketing

Để tìm hiểu những nguyên nhân ảnh hưởng đến phát triển thể lực của nữ SV Ngành QTKD, trước hết qua tham khảo các tài liệu chuyên môn đề tài đã xác định được 11 nguyên nhân cơ bản

**Bảng 2. Kết quả phỏng vấn nguyên nhân ảnh hưởng đến phát triển thể lực của nữ sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên (n=20)**

TT	Nội dung phỏng vấn	Mức 1		Mức 2		Mức 3	
		m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%
1	Bài tập thể lực ít và thiếu đa dạng	18	90.00	2	10.00	0	0.00
2	Lượng vận động trong mỗi bài tập nhỏ	16	80.00	4	20.00	0	0.00
3	Thời gian dành cho các bài tập thể lực ít	17	85.00	3	15.00	0	0.00
4	Yêu cầu của giáo viên trong mỗi bài tập chưa cao	15	75.00	5	25.00	0	0.00
5	Môn thể thao tự chọn trong chương trình học chưa phong phú	15	75.00	5	25.00	0	0.00
6	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện còn thiếu và cũ	14	70.00	6	30.00	0	0.00
7	SV chưa nhận thức đầy đủ vai trò và ý nghĩa của việc rèn luyện thể lực	14	70.00	6	30.00	0	0.00
8	Sinh viên chưa nhận thức đúng về vai trò của hoạt động TDDT ngoại khóa	15	75.00	4	20.00	1	5.00
9	Tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện của SV, thiếu kinh phí hỗ trợ	18	90.00	2	10.00	0	0.00
10	Lo sợ chấn thương, mệt mỏi ảnh hưởng đến việc học văn hóa	4	20.00	4	20.00	12	60.00
11	Thiếu thời gian tập luyện do lịch học các môn văn hóa chiếm nhiều thời gian	16	80.00	4	20.00	0	0.00

ảnh hưởng đến phát triển thể lực của nữ SV. Để xác định chính xác, khách quan các nguyên nhân ảnh hưởng trong thực tiễn, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nguyên nhân. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Kết quả ở bảng 1 cho thấy: 10/11 nguyên nhân mà đề tài đưa vào phỏng vấn đã nhận được kết quả trả lời ở mức 1, chiếm tỷ lệ từ 70% - 90%; Chỉ có 1 nguyên nhân “Lo sợ chấn thương, mệt mỏi ảnh hưởng đến việc học văn hóa” có số phiếu trả lời ở mức 1 thấp, chiếm tỷ lệ 20%, trong khi mức 3 chiếm tỷ lệ cao là 60%.

Căn cứ vào kết quả phỏng vấn chúng tôi đã xác định được 10 nguyên nhân chính ảnh hưởng đến sự phát triển thể lực của nữ SV Ngành QTKD Trường Đại học Tài chính – Marketing. Căn cứ nguồn gốc phát sinh, các nguyên nhân có thể phân thành 3 nhóm:

Nhóm 1: Những nguyên nhân thuộc về chủ quan của sinh viên, gồm:

- SV chưa nhận thức đầy đủ vai trò và ý nghĩa của việc rèn luyện thể lực.

- SV chưa nhận thức đúng về vai trò của hoạt động TDDT ngoại khóa.

- Tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện của SV, thiếu kinh phí hỗ trợ.

- Thiếu thời gian tập luyện do lịch học các môn văn hóa chiếm nhiều thời gian.

Theo chúng tôi, nhóm nguyên nhân này bắt nguồn trước hết từ sự nhận thức chưa đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của việc rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể lực chung cũng như tác dụng tích cực của TDDT ngoại khóa đã chi phối tới tâm lý khiến các em có những biểu hiện lười nhác, không muốn cố gắng, học theo kiểu đối phó với môn học GDTC. Ngoài ra, một nguyên nhân do không có điều kiện tham gia tập luyện TDDT ngoại khóa (điều kiện về kinh tế, thời gian, địa điểm tập xa...) xuất hiện ở một số SV đã dẫn đến



### Thể lực của nữ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Tài chính - Marketing luôn được quan tâm và chú trọng

sự tham gia tập luyện TDTT hạn chế.

Nhóm 2: Những nguyên nhân thuộc về giảng viên, gồm:

- Bài tập thể lực ít và thiếu đa dạng.
- Lượng vận động trong mỗi bài tập nhỏ.
- Thời gian dành cho các bài tập thể lực ít.
- Yêu cầu của giáo viên trong mỗi bài tập chưa cao.

Đây là nhóm nguyên nhân chính có ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển thể lực cho SV. Giáo viên luôn mang tâm lý chung là môn học GDTC chỉ là môn điều kiện, điểm thi kết thúc học phần không tính vào bảng điểm chung nên việc giảng dạy và đánh giá còn thiếu nghiêm túc, chặt chẽ (tạo điều kiện cho SV hoàn thành môn học).

Nhóm 3: Những nguyên nhân thuộc về điều kiện khách quan, gồm:

- Môn thể thao tự chọn trong chương trình học chưa phong phú.
- Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện còn thiếu và cũ.

Mặc dù là nhóm nguyên nhân khách quan nhưng nó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát triển thể lực của nữ SV Ngành QTKD. Nội dung chương trình học đơn điệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện nghèo nàn đã ảnh hưởng đến hứng thú của cả người dạy và người học đã dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

Kết quả trên, cho thấy SV nữ hiện nay rất ngại học môn GDTC và tập luyện thể thao hàng

ngày. Tỷ lệ SV đi làm thêm rất cao, ngoài ra còn có nhiều mối quan tâm khác hấp dẫn hơn việc tập luyện TDTT, đó là facebook, zalo... Hiện trạng này không chỉ của riêng SV Trường Đại học Tài chính - Marketing mà còn là tình trạng phổ biến của hầu hết giới trẻ hiện nay.

### KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thể lực của nữ SV Ngành QTKD, Trường Đại học Tài chính - Marketing còn yếu so với tiêu chuẩn xếp loại thể lực của Bộ GD&ĐT qui định.

Quá trình nghiên cứu chúng tôi đã tìm ra 3 nhóm với 10 nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển thể lực của nữ SV Ngành QTKD, Trường Đại học Tài chính - Marketing.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2008), *QĐ số 53/2008/QĐ-BĐGDĐT qui định về việc đánh giá, xếp loại thể lực HSSV.*
  2. Trịnh Trung Hiếu (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục TDTT trong nhà trường*, Nxb TDTT, Hà Nội.
  3. Lê Văn Lâm, Phạm Xuân Thành (2008), *Giáo trình thể dục thể thao trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.
  4. Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp toán thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
- (Bài nộp ngày 16/7/2024, phản biện ngày 15/8/2024, duyệt in ngày 22/10/2024)  
 Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Ngọc Nga  
 Email: nguyennngocnga@ufm.edu.vn

**LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO**

**4. Trương Quốc Uyên**

Các phong trào rèn luyện thể chất của đồng bào Việt Nam theo gương Bác Hồ vĩ đại

**6. Trương Anh Tuấn; Nguyễn Tôn Hoài**

Đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao trong thời kỳ phát triển mới của đất nước

**10. Nguyễn Hoàng Minh Thuận**

Đào tạo sinh viên sư phạm ngành Giáo dục thể chất: Góc nhìn từ mô hình TPACK

**BÀI BÁO KHOA HỌC**

**16. Nguyễn Văn Phúc**

Đề xuất mô hình giảm thiểu rủi ro thương tích trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

**19. Đỗ Hữu Trường; Mai Thị Bích Ngọc**

Định hướng phát triển thể thao mạo hiểm tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2025-2030

**23. Phạm Việt Hùng**

Mô hình đào tạo nguồn kế cận thể thao thành tích cao của một số nước trên thế giới và bài học đối với thể thao Việt Nam

**29. Phonesooksin TESO; Đinh Thị Mai Anh**

Thực trạng các yếu tố chủ quan đảm bảo chất lượng hoạt động Thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học quốc gia Lào

**33. Đinh Khánh Thu; Nguyễn Hữu Thành Thái**

Đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng phong trào tập luyện Dân vũ thể thao của người cao tuổi trên địa bàn quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

**38. Nguyễn Đức Thành**

Năng lực tính toán của sinh viên các lớp Cờ vua sau ứng dụng các dạng bài tập phối hợp chiến thuật

**42. Nguyễn Văn Hòa; Ngô Thị Thúy Nga**

Giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Thể dục cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**48. Nguyễn Ngọc Nga; Cung Đức Liêm; Nguyễn Trương Phương Uyên**

Thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ thể lực chung của nữ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Tài chính – Marketing

**52. Nguyễn Thị Diệp Ly; Dương Thái Bình**

Lựa chọn và ứng dụng bài tập thể dục Aerobic phát triển thể lực chung cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

**56. Lê Thị Thanh Thủy; Nguyễn Như Phúc**

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới việc dạy và học bơi ếch của học viên Trường Sĩ quan lục quân 1 – Sơn Tây – Hà Nội

**62. Nguyễn Đức Thịnh**

Hiệu quả ứng dụng bài tập đập bóng nhanh trước mặt ở vị trí số 3 cho nam sinh viên đội tuyển Bóng chuyền Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

**66. Bùi Danh Tuyên**

Xác định nguy cơ chấn thương trong hoạt động tập luyện của các vận động viên đội tuyển Bóng rổ Trường Đại học Công Nghệ Đông Á

**70. Phạm Việt Hùng; Nguyễn Thị Thu Quyết**

Thực trạng hiệu quả tuyển chọn vận động viên môn Cử tạ tại Đội tuyển trẻ và Đội tuyển quốc gia Việt Nam

**73. Kolakot Simuongsong**

Lựa chọn hệ thống bài tập phát triển sức mạnh cho nam vận động viên Taekwondo nội dung thi đấu đối kháng (Kyorugi) lứa tuổi 14 - 17 Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

**TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT**

**76. Minh Đức**

Xây dựng và phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 1965-1975

**78. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Văn Đông**

Bài tập phát triển cơ tay, ngực với tạ đôi

**80. Thẻ lệ viết và gửi bài.**

## **THEORY AND PRACTICE OF SPORTS**

### **4. Truong Quoc Uyen**

Physical training movements of Vietnamese people following the example of great Uncle Ho

### **6. Truong Anh Tuan; Nguyen Ton Hoai**

Training human resources for physical education and sports in the new development period of the country

### **10. Nguyen Hoang Minh Thuan**

Training of Physical Education Pedagogical Students: Perspective from the TPACK Model

## **ARTICLES**

### **16. Nguyen Van Phuc**

Proposing a model to reduce injury risks in sports activities in Vietnam

### **19. Do Huu Truong; Mai Thi Bich Ngoc**

Orientation for developing adventure sports in the Northern Midlands and Mountains in the period 2025-2030

### **23. Pham Viet Hung**

Models of training high-performance sports successors in some countries around the world and lessons for Vietnamese sports

### **29. Phonesooksin TESO; Dinh Thi Mai Anh**

Current status of subjective factors ensuring the quality of extracurricular sports activities of students at the National University of Laos

### **33. Dinh Khanh Thu; Nguyen Huu Thanh Thai**

Assessment of the current status of the folk dance and sports movement of the elderly in Long Bien District, Hanoi City

### **38. Nguyen Duc Thanh**

Evaluation of the computational ability of chess students after applying tactical coordination exercises

### **42. Nguyen Van Hoa; Ngo Thi Thuy Nga**

Solutions to improve the quality of teaching physical education for students of Physical Education at Bac Ninh University of Physical Education and Sports

### **48. Nguyen Ngoc Nga; Cung Duc Liem; Nguyen Truong Phuong Uyen**

Current situation and causes affecting the general physical fitness level of female students majoring in Business Administration at the University of Finance - Marketing

### **52. Nguyen Thi Diep Ly; Duong Thai Binh**

Selection and application of aerobic exercises to develop general physical fitness for students majoring in Physical Education, Hong Duc University

### **56. Le Thi Thanh Thuy; Nguyen Nhu Phuc**

Current status of factors affecting teaching and learning frog swimming of students of Army Officer School 1 - Son Tay - Hanoi

### **62. Nguyen Duc Thinh**

Effective application of exercises to improve the efficiency of fast front smash at position number 3 for male students of the Volleyball team of the Academy of Posts and Telecommunications Technology

### **66. Bui Danh Tuyen**

Identifying the risk of injury during training activities of athletes of the Basketball Team of Dong A University of Technology

### **70. Pham Viet Hung; Nguyen Thi Thu Quyet**

Current status of effective selection of weightlifting athlete at Vietnam Youth Team and National Team

### **73. Kolakot Simuongsong**

Choosing a system of strength development exercises for male Taekwondo athletes in the competition (Kyorugi) age group of 14-17 in the Lao People's Democratic Republic

## **NEWS - EVENTS AND PEOPLE**

### **76. Minh Duc**

Construction and development of Bac Ninh Sports University in the period 1965-1975

### **78. Pham Tuan Dung; Nguyen Van Dong**

Exercises to develop arm and chest muscles with dumbbells

### **80. Rules of writing and posting.**



**Tạp chí KHOA HỌC**

# **ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

**Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

ISSN 1859-4417

Số 5 -2024  
(83)

